

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất
đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm
2020;
Căn cứ Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với
cách mạng;
Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và
Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 287/TTr-STC ngày
25 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ theo quy định.

Điều 3. Nội dung phân cấp

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thẩm quyền thực hiện tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt hồ sơ và ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công trên địa bàn quản lý.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện xác nhận đối tượng có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công.

2. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn các Chi cục Thuế tiếp nhận và giải quyết các hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất và pháp luật về quản lý thuế.

b) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các Chi cục Thuế địa phương căn cứ hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chuyển đến, xác định và ban hành quyết định số tiền sử dụng đất được miễn, giảm cho các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai thi hành Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn căn cứ nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được pháp luật quy định để thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung được phân cấp.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện ưu đãi miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn gửi UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan trước ngày 31/12 hàng năm.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 03 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo QB;
- Đài PT-TH QB;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm